

TINH THẦN XUẤT TRẦN CỦA ĐẠO PHẬT

Quận Cam Mỹ Quốc - 1994

Hôm nay chúng tôi đã đến tận đây thăm tất cả quý Phật tử, đó là điều đáng mừng. Nhưng theo quan niệm của người tu, chúng ta gặp nhau không phải chỉ thăm hỏi sức khỏe thôi mà còn có những lời nhắc nhở trong việc tu hành. Do đó hôm nay Ban tổ chức yêu cầu chúng tôi có vài lời nhắc nhở cho quý Phật tử tu hành.

Đề tài chúng tôi muốn nói hôm nay là Tinh thần xuất trần của đạo Phật. Đạo Phật là đạo của con người. Đức Phật ra đời vì muôn loài, trong đó chủ yếu là loài người. Cho nên mọi hành động của Ngài đều nhắm đến con người. Đạo Phật dạy chúng ta phải thấy được chân lý, đạt được lẽ thực nên nói tới đạo Phật là nói tới đạo giác ngộ. Tôi nhấn mạnh lại, đạo Phật là đạo giác ngộ chứ không phải đạo của lòng tin. Chúng ta theo đạo Phật là để tìm cầu sự giác ngộ, mà muốn được giác ngộ thì phải vào đạo bằng trí tuệ, bằng cái nhìn đúng như thật, chứ không thể nhìn khác hơn được.

Phật tử khi bước chân vào đạo Phật, quý vị thấy Phật có dạy chúng ta điều gì huyền bí màu nhiệm không? Phật dạy chúng ta toàn những điều thật. Ví dụ Phật tử tại gia, Phật dạy phải giữ năm giới, rõ ràng có gì cao siêu huyền bí đâu, chỉ là những lẽ thực. Nếu chúng ta sống giữ được như thế thì mình là một con người tốt, hiện tại gây ảnh hưởng tốt với gia đình xã hội, mai kia cũng được sanh nơi tốt. Đó là lẽ thực chứ không có gì huyền bí cả. Bởi vì đức Phật là một con người thực, chứng nghiệm lẽ thực cho nên những gì Ngài nói cũng là lẽ thực.

Lâu nay chúng ta nhìn đạo Phật có vẻ huyền bí nhiều quá, mà đã huyền bí thì tăng trưởng lòng tin chứ không tăng trưởng trí tuệ. Nếu muốn đi đúng với tinh thần mở sáng con mắt trí tuệ, chúng ta phải nhìn đạo Phật đúng như Ngài muốn. Đọc lịch sử, chúng ta đều biết đức Phật là một vị Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ, ra đời ở cõi này lần chót tu hành chứng quả thành Phật. Cho nên công phu tu của Ngài đã trải qua vô số kiếp vun bồi hạnh nguyện trí tuệ rồi, đến đây là sắp viên mãn. Như vậy đương nhiên Ngài có đủ khả năng tạo ra những cảnh huyền bí lạ lùng. Vậy tại sao Ngài không từ trên không giáng xuống mà lại xuất hiện trong một gia đình như những người thế tục, rồi cũng sanh ra như bao nhiêu người?

Nhìn lại lịch sử của đức Phật, cũng có vài điểm được tô điểm hơi màu nhiệm một chút như Ngài sanh ra bên hông phải của Hoàng hậu Ma Gia, rồi đi bảy bước trên hoa sen v.v... Với chúng tôi, nếu các nhà viết sử cứ để đức Phật sanh ra như mọi người thì tốt hơn. Tại sao vậy? Bởi vì nếu ta thừa

nhận những hình ảnh kỳ diệu trong lúc Phật sinh ra thì sẽ gặp rối rắm ngay trong đời sống của Ngài. Bởi có nhiều người ở thế gian, cha mẹ sinh ra nuôi lớn lên, không ăn mặn được phải ăn chay rồi đi tu. Những vị đó chưa phải Bồ-tát, thế mà họ còn nhớ các chuyện tiền duyên, nên ra đời ăn chay rồi đi tu. Huống đức Phật là một vị Bồ-tát đầy đủ công hạnh, chỉ còn một đời nữa thành Phật chẳng lẽ Ngài quên hết những tiền duyên của mình? Tại sao khi sinh ra ở trong hoàng cung, Ngài cũng sống như bao nhiêu ông hoàng khác, lần lần lớn lên cũng lập gia đình, có con. Nếu Ngài giữ hạnh thanh tịnh như thuở nào thì chắc không có gia đình cũng không có con. Như vậy là sao?

Lại nữa, khi Ngài đi ra ngoại thành, trên đường thấy người già, người bệnh, người chết, Ngài không hiểu, phải nhờ Sa-nặc giải thích mới hiểu. Như vậy những điểm màu nhiệm trước kia trở thành lạ lùng. Bởi vì nếu Ngài đã là bậc Thánh rồi thì cần gì phải nhờ giải thích, thấy đâu là suốt đó. Đây là những vấn đề tôi nêu lên cho tất cả chúng ta cùng suy nghiệm.

Theo ý riêng chúng tôi, tôi nghĩ đức Phật sinh ra như mọi người cho nên rồi Ngài cũng phải học. Học rồi mới hiểu, từ học hiểu đó sau này gặp duyên tốt, Ngài liền thức tỉnh đi tu. Có thể hàng phàm phu chúng ta nhìn lại gương lịch sử của Phật, thấy Ngài cũng là con người như mình, thức tỉnh đi tu rồi thành đạo. Chúng ta cũng là người như Ngài, nên cũng có quyền thức tỉnh đi tu rồi thành đạo. Nếu Ngài sinh ra quá màu nhiệm huyền bí, còn chúng ta sinh ra quá tầm thường thì mình sẽ mặc cảm rằng việc làm đó chỉ có bậc kỳ đặc như Ngài mới làm được, còn tầm thường như mình thì bất khả thi. Nếu nhìn đức Phật thế ấy, chúng ta sẽ thấy Ngài rất gần gũi, rất thiết thực với con người. từ đó ta có gắng tu để đạt được kết quả như Phật. Như vậy đạo Phật mới thực tế chứ!

Hồi xưa Thái tử thấy cảnh già bệnh chết, Ngài thức tỉnh đi tu. Bây giờ tất cả chúng ta cũng thấy cảnh già bệnh chết nhưng thức tỉnh chưa? Phật thấy người già liền biết mình sẽ già, thấy người bệnh liền biết mình sẽ bệnh, thấy người chết liền biết mình sẽ chết, nên Ngài không cam ngồi yên chờ cái già, bệnh, chết đến với mình nên đi tu. Còn chúng ta thấy người già thì nghĩ đó là ông già mình còn trẻ chưa gặp gì. Thấy người bệnh nói người ta bệnh chứ mình chưa bệnh, thấy người chết nói người đó chết chứ mình chưa chết. Vì thế chúng ta không tỉnh nên không vội vàng đi tu. Phật và chúng ta khác nhau ở chỗ tỉnh và mê đó, chứ không phải khác nhau ở chỗ huyền bí.

Như chúng ta đã biết đức Phật sau khi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh già bệnh chết Ngài liền đặt ra ba nghi vấn về thân phận con người: 1. Con người từ

đâu đến đây? 2. Chết rồi sẽ về đâu? 3. Làm sao chấm dứt mầm sanh tử khổ đau này? Vì thế Ngài quyết tâm đi tu để giải quyết ba nghi vấn ấy. Ngài bắt đầu học đạo với các vị tiên, tu chứng tới tứ thiên nhưng Ngài thấy chưa giải đáp được chỗ mong mỏi của mình nên từ giả đi nơi khác. Đến vị tiên dạy tu chứng tới Phi phi tướng xứ, Ngài cũng chưa giải đáp được nghi vấn của mình nên từ giả đi nữa.

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng chỉ có tu khổ hạnh, khả dĩ tìm ra được câu giải đáp Ngài đương ôm ấp. Thế là đức Phật tận dụng mọi phương tiện khổ hạnh, dồn dập cho tới ngất xỉu nhưng vẫn không tìm ra chút manh mối nào. Từ đó Ngài thức tỉnh khổ hạnh không phải là phương pháp để đạt được giác ngộ. Cho nên Ngài tắm rửa ăn uống trở lại và tới cội Bồ-đề để quyết tâm tu cầu cho được giác ngộ. Tại gốc cây Bồ-đề, Ngài phát thệ nguyện “Nếu không thành đạo dù xương tan thịt nát cũng không rời khỏi chỗ này”. Qua những hình ảnh đó, chúng ta thấy đức Phật tu đến viên mãn có dễ dàng đâu. Cũng trải qua bao nhiêu khó khăn, tìm kiếm học hỏi, quyết tâm khổ hạnh đến liều chết, cuối cùng thiên định dưới cội Bồ-đề mới được giác ngộ.

Hiện giờ chúng ta tu nếu gặp khó khăn trở ngại, có phân bì với Phật hồi xưa tu khỏe, mình bây giờ tu cực quá không? Không thể, vì Phật tu đâu có khỏe. Ngài cũng khó khăn, khổ sở nhưng nhờ ý chí mãnh liệt, quyết tâm tột cùng nên mới đạt đạo. Chúng ta ngày nay tu hơi khó khó thì nản, nói tu gì khó quá. Tu mà sao không có phước, gặp tai nạn hoại, nghĩ vậy rồi chán hết muốn tu. Người tu thời nay quan niệm rất đơn giản, tu cho có phước hết tai nạn nên tới chùa tập tu để cầu phước. Nếu lỡ gặp tai nạn thì trách Phật không linh, nên nghĩ tu nghĩ đi chùa.

Phải hiểu tu là chấp nhận mọi khó khăn mọi nguy hiểm, để vươn lên trước những thử thách cay đắng mới là người có lập trường, có ý chí, như vậy mới mong đạt được sở nguyện. Hiểu thế giả sử chúng ta có gặp khó khăn đến mấy, ta vẫn cười: “Đây là cơ hội để mình tu, chớ không cầu xin ai”. Phật tử bây giờ có gì khó khăn thì chạy vô chùa cầu thầy cứu con. Thầy phải cầu an cầu siêu đủ thứ cho tai qua nạn khỏi, chớ quý vị không nghĩ khó khăn là cơ hội tốt để mình tu. Nếu chúng ta gan dạ cương quyết thì sự khó khăn là những cơ hội tốt để mình phát triển sự tu hành. Đức Phật ngày xưa tu cũng phải khó khăn, chúng ta bây giờ là kẻ phạm tục mà muốn tu dễ như trở bàn tay là chuyện không thể được.

Phật tử ngày nay đa số tu rất yếu ớt. Quý vị đời lúc nào cũng được như ý. Khởi sự qui y thọ năm giới rồi thì cho rằng mình đã có phước, từ đây về sau muốn gì được nấy, ít bệnh hoại, ít tai nạn, ít khó khăn. Nếu qui y, thọ giới rồi mà còn gặp tai nạn thì

chán, mất niềm tin mình tu sao không thấy phước, chỉ thấy họa. Tinh thần tu như vậy rất yếu đuối. Tôi nghĩ đức Phật hiện thân cầu đạo khó khăn, cực khổ đủ điều là một tấm gương sáng để chúng ta noi theo mà nỗ lực phấn đấu. Nhìn thấy Bồ-tát còn một đời thành Phật mà tu phải cay đắng như vậy, huống nữa chúng ta là phàm phu? Đó là hình ảnh nhắc nhở khích lệ chúng ta rất hay, rất thiết thực.

Hơn nữa tu là nguyện sửa chữa những tật xấu như tham sân si. Nếu vào đạo muốn gì được nấy thì tham chẳng những không giảm chút nào mà còn tăng trưởng thêm, càng tu càng tham. Người biết tu khi gặp cảnh vui hợp ý thì hoan hỷ tu, nhưng gặp những lúc khó khăn trái ý cũng cười mà tu. Muốn được là tham, không được vẫn không buồn là thắng cái tham, thắng một thứ độc. Còn muốn mà không được, âu sầu buồn bã mất ăn mất ngủ là thua, là kẻ bại trận trên đường tu. Chúng ta nỗ lực cố gắng vượt qua những khó mới gọi là tu. Phải tâm niệm rằng chính những sự khó khăn, nguy hiểm, thất bại mới tạo cơ hội để ta biết được đạo lực của mình. Nếu dờ thì ráng tu nhiều hơn, nếu khá thì mừng để tiến lên. Đó mới thực là người quyết tâm tu.

Phật tử tu mà muốn mọi việc bình an trăm phần trăm nên phải nhờ thầy cúng sao. Như vậy tu để cầu bình an chớ không phải tu để chuyển đổi tham sân si trở thành trong sạch. Với tinh thần tu thế ấy làm sao giác ngộ thành Phật, làm sao được vĩnh viễn an vui được? Chúng ta nhớ đức Phật khi học với những vị ngoại đạo mà Ngài vẫn không lạc theo ngoại đạo, vì mục tiêu chủ yếu Ngài nhắm là tu để giải quyết ba nghi vấn về con người. Chừng nào giải quyết được điều đó Ngài mới mãn nguyện. Ngài tu là vì giải quyết số phận con người, nếu tu chỉ cầu thấy những gì màu nhiệm mà không giải quyết được vấn đề thối nát Ngài liền từ bỏ.

Ngày nay chúng ta tu thích nhất cái gì? Thích màu nhiệm. Cái gì hay hay lạ lạ mình thích, còn vấn đề con người chúng ta ít quan tâm. Bởi vậy nên mình dễ bị lạc, gặp ai hướng dẫn đi đường nào ta kẹt theo đường đó. Vì không có một chủ trương, một lập trường kiên định, do đó dễ lạc là lẽ đương nhiên thôi.

Sau khi thành đạo rồi đức Phật chứng tam minh, lục thông, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng v.v... Lục thông gồm có: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mạng thông, lậu tận thông. Có lục thông, khi cần hiện to liền hiện to, cần hiện nhỏ liền hiện nhỏ, cần đi trên hư không thì đi trên hư không, cần chui xuống nước thì chui xuống nước, cần độn thổ thì đi trong đất. Tóm lại Ngài có đầy đủ tất cả thần thông biến hóa, nhưng khi đi hóa đạo đức Phật rất ít khi dùng thần thông, trừ những trường hợp đặc biệt thôi. Rõ ràng chúng

ta không thấy sử ghi lại mỗi sáng Phật dùng thần thông bay lại nhà tín đồ nhận cơm cúng dường, kể bay về chỗ ngồi thọ trai. Mà Ngài đi bộ từ Tinh xá lần lần tới nhà Phật tử nhận cơm, rồi ra gốc cây ngồi ăn hoặc nhận thọ trai tại nhà v.v... chứ không bay đi bay về gì cả. Minh bây giờ mà được thần thông thì biết, bay loạn trong hư không.

Tại sao có thần thông mà Phật không dùng? Đó là điều chúng ta cần phải lưu tâm. Hoặc khi đi giáo hóa gặp người chửi mắng Ngài chỉ im lặng đi, chứ không hiện thần thông khiến ai khiếp sợ cả. Đó là bài học muôn đời mà hàng Tăng Ni Phật tử phải nhớ. Chúng ta chỉ cần nghe ai nói lên đầu đó ngoài xó hè, giông giống tên mình là ra mặt lên tiếng ngay. Nếu nghe trực tiếp một lời chê xấu thì buồn tới mất ăn mất ngủ. Vì mình nhận nhiều quá nên khổ, chứ người ta nói mình không nhận như Phật thì đâu có khổ. Phật tự tại không phải vì phép lạ, vì thần thông mà vì tâm Ngài không dính mắc. Chúng ta bị trói buộc khổ đau vì tâm dính mắc nhiều quá, cứng quá. Bây giờ muốn tu thì phải gỡ bỏ tâm dính mắc đó. Chỉ có cách ấy thôi.

Một hôm Phật đi giáo hóa ở vùng Bà-la-môn, hàng đệ tử của họ theo Phật rất đông. Ông thầy bực bội nên chờ lúc Phật đi khát thực, ông theo sau chửi Ngài thậm tệ. Đức Phật vẫn cứ thong thả đi, tới ngã ba đường ông thầy Bà-la-môn tức quá chặn Phật hỏi: “Ngài Cù-đàm, Ngài thua tôi chưa?” Phật từ tốn trải tọa cụ, ngồi xuống đất và nói bài kệ:

Kẻ hơn thì thêm oán,

Người thua ngủ chẳng yên.

Hơn thua hai đều xả,

Ấy được an ổn ngủ.

Chỗ đức Phật dạy chúng ta đâu có gì kỳ đặc, chỉ đừng chấp hơn thua thôi. Buông đi hơn thua thì chúng ta an nhàn tự tại, nằm duỗi chân ngủ khò. Còn đeo bám hơn thua, nếu hơn thì kẻ khác oán ghét mình, nếu thua ta trần trọc ngủ không được, cả hai đều làm cho mình khổ đau. Nếu buông xả hết hơn thua thì mọi đau khổ liền chấm dứt.

Qua những hình ảnh này, chúng ta thấy rõ đức Phật không đặt trọng tâm ở khả năng của thần thông mà Ngài luôn chỉ chúng ta phải tập cõi mở, buông xả tâm cố chấp, hơn thua tự nhiên sẽ được an lạc. Đó là tâm niệm tu hành chân chính. Chúng sanh vì không chịu buông xả nên khổ, Phật Bồ-tát nhờ buông xả hết nên các Ngài an lành tự tại. Như vậy tự tại từ sự buông xả, không dính mắc nơi nội tâm mà có. Chư Tăng ngày nay trên đường hóa đạo gặp khó khăn có buồn không? Phật hồi xưa bị chửi Ngài không buồn, nhưng nếu chúng ta bị chửi

thì mặt dàu dàu cả ngày, đêm đến ngủ không được. Đó là điểm yếu của mình. Tăng Ni phải ráng tu làm sao giống như Phật vậy, trên đường hóa đạo mới vượt qua mọi trở ngại.

Trên đường hoằng pháp, đức Phật có một câu chuyện rất hay. Lúc đó Ngài thành đạo chưa bao lâu, mới trên ba mươi tuổi. Trên đường du hóa, một thầy Bà-la-môn giỏi về tướng số, nhìn thấy dấu chân của Phật có cả ngàn khu ốc xoáy tròn, ông đoán đây là quý tướng, người có bàn chân như vậy là người phi thường. Vì vậy ông lần theo dấu chân để tìm Phật. Đức Phật sau khi vào xóm khát thực rồi, Ngài tới dưới một gốc cây ngồi thọ trai. Ông Bà-la-môn tìm tới, thấy rõ ràng Phật có ba mươi hai tướng tốt, ông biết chắc người này nếu ở thế gian sẽ làm Chuyển luân thánh vương, còn đi tu sẽ thành Phật. Bấy giờ ông bỗng muốn gả con gái của mình cho Phật. Tuy biết con mình là cô gái đẹp nhất trong vùng, nhưng ông ngại không dám nói, liền quay về kêu vợ. Bà vợ theo ông đến chỗ Phật, vừa thấy những tướng tốt của Thế Tôn, bà liền can ngăn ông vì biết đây là bậc đã giác ngộ, bậc ly dục, không thể gả con gái cho được. Nhưng ông kiên quyết xúi bà nài nỉ Phật, nào là con gái mình đẹp tuyệt trần, nào là ông sẽ giao hết sự nghiệp gia tài và gả con gái cho Ngài vô điều kiện...

Hai ông bà nói gì thì nói Phật cũng cứ tự nhiên thọ trai, không trả lời. Năn nỉ mãi cho tới chiều tối, người hầu tiểu thư thấy hai ông bà đi lâu chưa về, nó mới chạy tìm. Đến nơi, thấy hai ông bà đang năn nỉ Phật để gả tiểu thư nhưng Ngài không nhận. Cuối cùng Phật thấy mất thì giờ quá Ngài mới trả lời thế này: “Cô con gái của bà, dù đẹp tuyệt trần nhưng với con mắt của ta, cô chỉ là một đấy da hôi thối mà thôi”. Nghe câu đó hai ông bà rụng rời tay chân, hết còn năn nỉ nữa.

Cô hầu nghe vậy liền chạy về báo cho tiểu thư hay: Ông Cù-đàm chê cô là đấy da hôi thối nên không nhận lời cầu xin gả con gái của ông bà”. Tiểu thư nghe thế tự ái, tức giận vô cùng thế sau này sẽ trả thù. Quả nhiên về sau cô được làm Hoàng hậu, nhớ lại Cù-đàm đã dám khi mình là đấy da hôi thối nên cô quyết tâm rửa hận.

Một hôm Phật đi giáo hóa ngang qua vùng của Hoàng hậu, có ngài A-nan theo hầu. Nghe tin đức Phật tới nước mình, bà liền hạ lệnh cho dân địa phương: Cù-đàm đi tới đâu thì bủa quanh chửi mắng tới đó. Nào chửi, nào chọi đá, nào ném quả úng trúng úng vào mình hai thầy trò đức Phật, nghĩa là làm đủ điều nhục nhã cho Ngài để bà được hả dạ. Lúc đó ngài A-nan tối mặt tối mày, chịu không nổi nữa mới thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng ta nên đi nơi khác.

Phật hỏi:

- Đi đâu A-nan?

A-nan thưa:

- Chúng ta đi nơi nào đừng bị chửi mắng hoặc chọi đất đá như thế này.

Phật lại hỏi:

- Nơi nào không có người chửi mắng chúng ta, A-nan?

A-nan thưa:

- Thưa Thế Tôn, chúng ta trở lại nước Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà. Những nơi Thế Tôn đã từng giáo hóa, dân ở đó họ kính Ngài sẽ không có ai chửi mắng.

Phật lại hỏi:

- Nay A-nan, như một thầy thuốc giỏi có thể treo bảng trước cửa nhà rằng "Nơi này chỉ trị những người bệnh nhẹ, ai bệnh nặng thì đi nơi khác" không?

A-nan thưa:

- Bạch Thế Tôn, không.

- Tại sao?

- Vì thầy thuốc giỏi thì phải trị những bệnh nặng, chớ còn trị bệnh nhẹ thôi thì đâu có giá trị gì.

Phật nói:

- Cũng vậy, người nước Ma-kiệt-đà, nước Xá-vệ đã được ta giáo hóa hiền lành, họ biết tu tập, họ là những người bệnh nhẹ. Còn dân ở đây chưa được ta giáo hóa, họ còn điên cuồng, chửi mắng đủ thứ, họ là người bệnh nặng, ta cần ở lại để giáo hóa.

A-nan chưa bằng lòng nên hỏi:

- Bạch Thế Tôn, nhưng họ có chịu nghe Thế Tôn nói đâu mà ở đây giáo hóa?

Phật liền tuyên bố giữa mọi người:

- Nếu chừng nào người dân ở đây nói rằng "Không cần Cù-đam giáo hóa, chừng đó ta sẽ đi".

Khi đó số người đứng chung quanh nghe câu chuyện đối đáp của hai thầy trò, họ liền hô to rằng:

- Chúng tôi là người bệnh nặng cần được ngài Cù-đam giáo hóa.

Qua câu chuyện này, quý vị thấy thế nào? Nếu chúng ta là Phật, bị chửi bới bị chọi đất đá như thế, mình sẽ làm sao? Mình liền ra uy, dùng thần thông bay lên hư không, hóa phép lạ cho nó hoảng sợ chạy hết, khờ biết mấy phải không? Tội gì phải nghe chửi. Vậy mà Phật im lìm nghe họ chửi, lại còn mở lòng từ bi ở lại để chữa bệnh cho những bệnh nhân nặng. Phật là thầy thuốc giỏi, ai bệnh nặng Ngài cần phải cứu giúp, quyết không bỏ dù họ có chửi bới tới đâu. Người đang mê cuồng không biết phải quấy, đó là người bệnh nặng cần được giáo hóa bằng tâm chớ không dùng thần thông, không dùng phép lạ.

Nếu lúc đó Phật dùng thần thông, dùng phép lạ thì bây giờ chư Tăng Ni đi giáo hóa đến vùng bị chửi mắng, mình không có phép lạ chỉ còn nước cuốn gói đi thôi, chớ biết làm sao? Vì Phật có phép lạ nhưng Ngài không dùng, chỉ đem tâm từ bi, đức nhẫn nhục để giáo hóa chúng sanh nên ngày nay Tăng Ni mới có thể giáo hóa được. Ai chửi mình thì chửi, ta chỉ thương thôi việc đó chúng ta có thể làm được. Mở rộng lòng thương đối với kẻ mê muội nhiều đau khổ, đó là tinh thần hết sức chân thật hết sức từ bi của đạo Phật. Nhờ thuở xưa đức Phật không dùng thần thông, mà dùng lòng từ giáo hóa chúng sanh nên bây giờ chúng ta mới tu, mới làm Phật sự được.

Thế nhưng ngày nay thỉnh thoảng quý thầy gặp khó cũng bỏ chùa chạy chỗ khác. Chúng ta phải có tâm thương người, dù khó dù dễ gì cũng sẵn sàng giáo hóa thì mới làm tròn Phật sự được. Với tinh thương tràn trề chắc chắn không ai không cảm hóa được. Tại vì nghe chửi quá, mình không sân nhiều cũng giận ít nên thấy thiên hạ khó thương, không khí căng thẳng tự nhiên muốn bỏ thôi. Còn Phật không giận nên Ngài cứ thương, vì thế giáo hóa nơi nào cũng được hết. Với đức độ cao dày, đức Phật đã để lại tấm gương sáng cho chúng ta học và làm theo. Ngài không nhìn thần thông là tốt, để chúng ta thấy tinh thần xuất trần của đạo Phật rất cụ thể.

Kể đến là việc nuôi dạy đồ chúng của Thế Tôn. Ai không biết Đề-bà-đạt-đa là bà con thân thích với Phật, sau khi xuất gia được Phật dạy dỗ chu đáo nhưng vẫn phản bội Ngài. Đề-bà-đạt-đa gây chia rẽ trong tăng đoàn, Phật không hề giận mà còn nói Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta, nhờ Đề-bà-đạt-đa mà ta sớm thành Phật, nên Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa sau này cũng sẽ thành Phật. Như vậy trong tăng đoàn cũng có nhiều trực trặc, nhiều trở ngại nhưng Phật vẫn không nản, không chán. Qua đó chúng ta thấy trên đường giáo hóa, đối nội đối ngoại đều gặp khó khăn. Tuy khó

khăn song Phật đều vượt qua với lòng từ bi, độ lượng.

Chúng ta bây giờ làm Phật sự nuôi tăng chúng, người nào làm trở ngại mình một chút thì sao? Oán trách ngay, lo cho họ mà họ còn phản bội, chán quá không thèm lo nữa. Tâm niệm của mình không hợp với tâm niệm của đức Phật nên làm Phật sự không có công đức, không thu nhật được kết quả tốt đẹp. Cuộc đời hành đạo của đức Phật có những tư cách như vậy, chúng ta là đệ tử của Ngài phải nên noi theo, thực hành đúng tinh thần vô ngã vị tha do đức Phật chỉ dạy.

Kinh Trường A-hàm kể lại, một hôm đức Phật ngồi trên bờ hồ nhìn thấy những đóa sen nở tươi tắn, Ngài bảo: “Tất cả hoa sen nở thơm tho thanh khiết này, gốc đều từ trong lòng bùn nhơ”. Như vậy bùn nhơ là nơi để cho hoa sen kết nụ, rồi từ từ nó chui ra khỏi bùn, nhô lên mặt nước mới nở hoa thơm tho thanh khiết. Có hoa sen nào không từ bùn nhơ mà ra đầu? Cũng thế, đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Nếu mọi người nỗ lực tu cũng như nụ sen dưới bùn có khả năng vượt ra khỏi bùn, nhô lên mặt nước và trở hoa thơm tho.

Chúng ta nhìn thấy tất cả tượng Phật đều được khắc ngự trên đài sen, phải không? Tại sao thế? Đó là điều chúng ta phải chú ý. Nếu nói theo lịch sử khi Phật tới cõi Tất-bát-la, Ngài liền dùng cỏ trải tòa ngồi, thiên đình suốt bốn mươi chín ngày đêm chứng quả Bồ-đề. Sao bây giờ người ta không làm tòa cỏ mà tòa sen thỉnh Phật ngự trên đó? Thật ra ý nghĩa này rất thâm sâu.

Bởi vì đức Phật đã thấy tất cả nụ sen từ trong bùn mà ra rồi nở hoa thanh khiết. Cũng vậy, Phật là người ở trong vũng bùn đục lặc hoàng cung, Ngài như mọi thanh niên khác, có gia đình có vợ con hẳn hoi. Từ đó Ngài cố gắng tu hành vượt qua mọi cám dỗ thế gian, lần lần chứng quả. Giống như hoa sen từ vũng bùn ngoi lên, rồi ra khỏi nước nở thành đóa hoa tròn đẹp thơm tho. Qua đó chúng ta thấy rõ đạo Phật không dạy mình tu cái gì ở bên trời kia hay nơi nào xa lạ, mà tu ngay trong cõi đục lặc nhộn nhúa, chúng ta vươn lên thoát ra để rồi đạt đạo. Như vậy tinh thần xuất trần của đạo Phật là tinh thần từ chỗ nhơ nhớp vượt lên thành thanh khiết, chớ không phải thanh khiết có từ nơi thanh khiết.

Chúng ta hiện giờ đang sống trong ngũ đục lặc, mình có quyền tu để thành Phật không? Ai cũng có quyền hết. Không một nụ sen nào từ dưới bùn mà không có quyền trôi lên và nở hoa thơm tho, trừ những nụ sen bị sùng hoặc con gì cắn thì nó mới tiêu mòn, không trôi lên được. Thế nên chúng tôi cho rằng đức Phật có thể sinh ra như một con người bình thường cũng có thể chấp nhận được

chứ! Như vậy con người sẽ thấy đức Phật gần gũi, cụ thể với nhân loại và vì thế họ tự khẳng định niềm tin nơi khả năng giác ngộ giải thoát của mình hơn.

Do đó mỗi khi chúng ta nhìn thấy Phật ngồi trên tòa sen, tự nhiên mình có cảm tưởng Phật là nụ sen đã ra khỏi nước nở tròn thơm tho, chúng ta là những nụ sen còn đang ở trong bùn. Nếu nỗ lực mai kia mình cũng được nở tròn thơm tho thanh khiết như Phật vậy. Hình ảnh đó có tác dụng khích lệ lớn lao vô cùng, giúp chúng ta cố gắng tu nhiều hơn. Nếu Ngài ra đời không dính chút bụi trần nào hết thì bây giờ đạo Phật khuyên người ta tu khó được. Bởi đức Phật thanh khiết quá nên Ngài thành Phật, còn mình nhớp nhúa quá làm gì thành Phật nổi? Ta sẽ mặc cảm không có phần trong công phu tu hành. Vì vậy hình ảnh đức Phật ra đời bình dị như mọi người rất thích hợp với tinh thần vì nhân loại, vì chúng sanh.

Đó là tôi dẫn đức Phật, kể đến tôi dẫn ít vị Thiền sư cũng có tinh thần na ná như vậy. Ở Trung Hoa vào đời Tống, có hai vị Thiền sư là Thượng tọa Thông và Thượng tọa Minh. Một hôm hai vị có công việc phải qua sông Hoài. Xuống đò qua sông hai vị thấy có một số người đang kéo lưới, lưới được kéo vào gần đến bờ, thỉnh linh có một con cá nhảy vọt ra khỏi lưới. Thượng tọa Thông vỗ tay khen “Hay quá, giống như Thiền sư”. Thượng tọa Minh lắc đầu nói “Không hay, phải ở ngoài lưới mới hay. Vô lưới làm chi, nhảy ra cho cục”. Thượng tọa Thông bảo: “Huynh Minh chưa hiểu”. Khi lên khỏi đò đi được một đôi xa, Thượng tọa Minh thức tỉnh liền xin lỗi “Xin lỗi sư huynh tôi đã thấy lầm”.

Quý vị thấy lầm ở chỗ nào? Chúng ta trở lại tinh thần xuất trần của đạo Phật. Người tu Phật không phải là người không dính dáng gì với cõi trần bên ngoài, không phải thành thói tự tại mới tu. Chúng ta tu vì đang kẹt trong chỗ dính mắc, buộc ràng nên mới cố gắng gỡ, cố gắng thoát ra. Đó mới gọi là tu. Cá ở trong lưới sắp chết tới nơi mà nhảy ra khỏi lưới mới là tài chứ. Cái hay là ở chỗ đó, chớ còn ngoài lưới thì có gì là hay! Như vậy tu là một sức mạnh thoát ra khỏi vòng trói buộc, dính mắc. Đó là cái hay của người tu, chớ không phải ngoài lưới gọi là hay.

Tinh thần nhà thiền là như thế. Chúng ta không cầu được tự tại ở nơi nào khác, mà ngay trong chỗ buộc ràng thoát ra vươn lên. Đó mới thực là tài, thực là công phu của người biết tu. Chúng ta thấy cái nhìn của Thiền sư với cái nhìn của Phật rõ ràng không khác. Ngày nay tất cả chúng ta là đệ tử Phật, phải có cái nhìn như vậy khả dĩ đạo Phật mới đủ sức mạnh để giáo hóa chúng sanh. Chớ nếu ta yếu đuối quá, lạch lạch quá thì không đủ sức mạnh làm gì cả.

Kể đây tôi dẫn tới Thiền sư Việt Nam. Đọc sử Phật giáo Việt Nam, hẳn chúng ta đều biết nước mình có một ông vua đi tu ngộ đạo, đó là vua Trần Nhân Tông. Ngài làm vua trong thời gian nước nhà đang bị quân Mông Cổ đem đại quân sang xâm lấn nước ta lần thứ ba. Việt Nam thời đó chỉ có từ Thanh Hóa trở ra Bắc thôi, rất nhỏ và dân rất ít. Đứng trước thế giặc hùng hậu như vậy, sự chống trả của quân dân Việt Nam là hết sức khó khăn. Thế nhưng Ngài đã cầm binh chống giặc và đuổi được bọn chúng chạy về nước một cách vô cùng oanh liệt, khiến cho cả thế giới đều khâm phục Việt Nam.

Đẹp xong giặc ngoại xâm rồi, đất nước thái bình, Ngài nhường ngôi lại cho con đi tu. Nếu Ngài đi tu trong khi nước nhà có binh biến hoặc bị thua trận thì không có giá trị gì hết. Khi đất nước thái bình, nhân dân an lạc, nhà vua từ bỏ ngai vàng đi tu, đó là một điều hết sức phi thường. Đọc sử Phật giáo thế giới, chúng ta ít thấy vua đi tu, Thái tử thì có mà vua rất ít. Ở Việt Nam chúng ta có một vị vua biết nghĩ tới con đường giải thoát cứu khổ chúng sinh, bỏ ngai vàng đi tu thật là một điều hy hữu.

Như vậy nhìn trên lịch sử dân tộc cũng như lịch sử Phật giáo Việt Nam, chúng ta hẳn nhiên rằng đất nước mình có những người tu rất là xứng đáng. Sau khi đi tu rồi Ngài tuyên bố “Kể từ đây Ngài không đi thuyền rồng, không cỡi ngựa”. Từ thành Thăng Long lên núi Yên Tử mấy trăm cây số mà Ngài vẫn đi bộ, nhất quyết không dùng ngựa không dùng thuyền. Đó là tinh thần tu khổ hạnh, vì vậy Ngài lấy hiệu là Trúc Lâm Đại-đầu-đà. Chữ Đầu-đà là âm tiếng Phạn, dịch nghĩa là khổ hạnh. Trúc Lâm là rừng trúc. Nghĩa là Ngài tu khổ hạnh trong rừng trúc.

Chính trong thời gian tu này, Ngài đã ngộ đạo và chỉ dạy lại cho mọi người, lập thành hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử thuần túy Việt Nam. Đây là phái thiền cô đọng những tinh ba của các phái thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Lâm Tế kết tụ thành. Như vậy thiền Trúc Lâm Yên Tử là phái thiền do Thiền sư Việt Nam, một ông vua đi tu sáng lập. Vì thế nên các vua Trần được người sau ngợi khen xem ngai vàng như dép rách, không có gì quan trọng hết.

Sau khi thành lập hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử rồi, từ đó tăng chúng các nơi tụ hội về tu hành đồng đạo và Ngài luôn luôn đi trong nhân gian, giáo hóa dạy cho cư sĩ giữ năm giới, tu Thập thiện v.v... Bài phú Cư trần lạc đạo của Ngài, nói lên tinh thần của người ở giữa lòng trần gian bụi bặm mà vẫn có thể vui với đạo. Bài này Ngài làm trong lúc còn ở ngôi Thái thượng hoàng, tôi xin trích một đoạn đầu thế này:

Mình ngồi thành thị nét dùng sơn lâm,

Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tánh,

Nửa ngày rời tự tại thân tâm.

Tham ái nguồn dừng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý,

Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yển thốt oanh ngâm.

Chơi nước biếc, ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý,

Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ nặng mấy chủ tri âm.

Nguyệt bạc vừng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng,

Liễu mềm hoa tốt, ngát quần sinh tuệ nhật sâm lâm.

Mình ngồi thành thị nét dùng sơn lâm, nghĩa là tuy ở giữa đô thị, thành phố mà tư cách giống như ở núi rừng. Ngài ngồi trong triều mà dường như đang tu trong rừng, không dính, không kẹt gì hết. Đó là tư cách của Ngài lúc làm Thái thượng hoàng.

Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tánh, nửa ngày rời tự tại thân tâm, tuy ở giữa cõi trần, lãnh trách nhiệm lớn đối với quốc gia, nhưng nghiệp gây tạo Ngài đã dứt nên thể tánh được an nhàn. Nửa ngày rảnh rỗi thân tâm Ngài tự tại không dính không mắc, không bị buộc ràng. Đó là hình ảnh hết sức đẹp trong cuộc sống bình thường.

Tham ái nguồn dừng, chẳng còn nhớ châu yêu, ngọc quý, lòng tham ái đã dừng lặng rồi cho nên không còn nhớ châu yêu ngọc quý nữa. Người còn yêu châu quý ngọc là vì tham ái còn tràn trề.

Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yển thốt oanh ngâm, tâm thị phi đã sạch hết rồi nên dầu có yển thốt oanh ngâm cũng không dính gì với Ngài. Bởi vì trong cung quý bà phi, thường uốn ba tấc lưỡi chỉ trích nhau, nhờ lòng thị phi hết nên Ngài nghe yển thốt oanh kêu gì cũng tự tại, không buồn người này không giận người kia, không trách cứ ai hết. Một ông vua tu như vậy rất là kỳ đặc.

Chơi nước biếc ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý”, thiên hạ đi du lịch nơi này nơi kia cho là thích thú, lịch lãm nên rất nhiều người đắc ý.

Biết đào hồng hay liễu lục, thiên hạ nặng mấy chủ tri âm, thấy đào hồng thì biết đào hồng, nhìn liễu lục thì hay liễu lục, thấy biết rõ ràng như vậy, trong khắp thiên hạ chẳng được mấy người.

Nguyệt bạc vừng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng. Mặt trăng sáng giữa bầu trời xanh, ánh sáng ấy soi

ọi trên cỏ cây như một dòng sông thiên tràn trề lai láng.

Liễu mềm hoa tốt, ngắt quần sinh tuệ nhật sâm lâm, thấy liễu mềm hoa đẹp tất cả đều là hiện tượng của trí tuệ tràn đầy. Mọi cây cối, mọi hiện tượng chung quanh đều là thiên, là trí tuệ chứ không còn nhiễm mê nữa.

Đọc qua đoạn này tuy ngắn nhưng chúng ta có thể biết rõ con người Ngài dù sống giữa cõi trần tục nhưng không còn bị nhiễm nhơ, dính mắc, trói buộc nữa. Nên người thật tâm tu hành dù cư sĩ hay xuất gia, trọng tâm ở chỗ đừng dính mắc nhiễm nhơ, chớ hình thức không quan trọng. Thấy rõ trọng tâm của sự tu như thế, dù ở nơi nào, hình thức nào chúng ta cũng không nhiễm nhơ không dính mắc. Đó là người tu chân thật, chắc chắn sẽ được tốt đẹp, an vui.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay, tôi nghĩ rằng chúng ta học Phật, tu Phật nên nhìn đức độ của Ngài, chớ không nên tưởng tượng quá nhiều về sự mâu nhiệm. Phải học gương xử sự khéo léo, tấm lòng thương mệnh mỏng, trí tuệ tràn trề của Ngài đối với tất cả chúng sanh. Tinh thần Phật dạy là tinh thần xuất thế, rất gần gũi con người. Vì thế Phật không muốn dùng những phương tiện kỳ lạ để giáo hóa con người, đó là hình ảnh rất thích ứng với hoàn cảnh chúng ta ngày nay. Có thể nhân loại mới thấy đạo Phật thực tế, thân thiết và tu tập được.

Phật tử chúng ta có thể hãnh diện vui mừng rằng, đức Phật là bậc thầy của tất cả muôn loài rất thực tế, rất gần gũi, rất chí thiết. Những nếp sống của Ngài đều là tấm gương sáng cho chúng ta tu học theo một cách hiện thực sống động, chớ không phải chuyện xa lạ. Đó là ý nghĩa rất thâm trầm của đạo Phật. Vì vậy tôi muốn nhắc toàn thể Tăng Ni cũng như Phật tử nên nhìn đạo Phật bằng cái nhìn cụ thể, chớ không nên nhìn đức Phật với cái nhìn phi thường xa lạ. Cái phi thường của đức Phật là tâm không dính mắc, là trí tuệ tràn trề, là lòng từ bi mệnh mỏng, chớ không phải phi thường của những huyền bí, phép lạ.

Như vậy đức Phật của chúng ta là bậc đã giác ngộ, giải thoát với trí tuệ và tình thương tràn đầy. Đây chính là nền tảng của đạo Phật, là cái sẵn có nơi mỗi người chúng ta. Tăng Ni, Phật tử cố gắng thực hiện, cố gắng tu tập rồi sẽ đạt được kết quả viên mãn như Phật.

